

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng chờ thi: E504

Môn thi: Kỹ năng nói

Ca thi: 8h00

Ngày thi: 20/07/2022

TT	SBD	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA0212	Trịnh Thị	Linh	20/4/2000			
2	TA0213	Vũ Thị Khánh	Linh	30/12/2000			
3	TA0214	Nguyen Thi	Loan	23/11/1999			
4	TA0215	Đinh Hải	Long	13/12/2000			
5	TA0216	Lê Thanh	Long	29/4/2000			
6	TA0217	Nguyễn Đăng Bảo	Long	8/9/2000			
7	TA0218	Nguyễn Đức	Long	7/8/2000			
8	TA0219	Nguyễn Duy	Long	3/11/2000			
9	TA0220	Nguyễn Hoàng	Long	18/11/2000			
10	TA0221	Nguyễn Quang	Long	27/7/2000			
11	TA0222	Trần Phi	Long	3/5/2000			
12	TA0223	Phạm Thị Hương	Ly	28/1/2000			
13	TA0224	Nguyễn Hạnh	Mai	19/4/2001			
14	TA0225	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	8/6/2000			
15	TA0226	Phạm Thị	Mai	8/8/2000			
16	TA0227	Phạm Thị Thanh	Mai	1/3/2000			
17	TA0228	Phí Thị Quỳnh	Mai	12/5/2000			
18	TA0229	Phạm Tiến	Mạnh	9/5/2000			
19	TA0230	Trần Thế	Mạnh	10/1/2000			
20	TA0231	Võ Hồng	MẠNH	14/2/1999			
21	TA0232	Nguyễn Thùy	Miên	9/1/1999			

22	TA0233	Đinh Quốc	Minh	9/9/1999			
23	TA0234	Nguyễn Bá Bình	Minh	22/10/1999			
24	TA0235	Trần Hoàng	Minh	17/7/2000			
25	TA0236	Trần Ngọc	Minh	12/10/2000			
26	TA0237	Đinh Hải	Nam	8/3/2000			
27	TA0238	Nguyễn Đình	Nam	3/6/2000			
28	TA0239	Nguyễn Thành	Nam	13/8/2000			
29	TA0240	Nguyễn Xuân	Nam	1/5/2000			
30	TA0241	Nguyễn Thị	Nga	18/1/2000			
31	TA0242	Nguyễn Thị	Nga	18/5/2000			
32	TA0243	Nguyễn Thị Thúy	Nga	11/2/2000			
33	TA0244	Phạm Thị	Nga	18/4/1999			
34	TA0245	Trịnh Thị	Nga	1/11/2000			
35	TA0246	Hoàng Thị Bích	Ngọc	14/9/2000			
36	TA0247	Lại Thị	Ngọc	6/7/1999			
37	TA0248	Nguyễn Lâm Bảo	Ngọc	12/12/2000			
38	TA0249	Nguyễn Minh	Ngọc	8/12/2000			
39	TA0250	Phạm Quang	Ngọc	12/6/2000			
40	TA0251	Phan Hoàng Bích	Ngọc	18/9/1999			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)